

Chị Nguyễn Thị Ngọc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

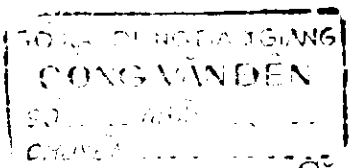
**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1959 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 21 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chung
đô thị Việt Yên đến năm 2035 (tỷ lệ 1/10.000)**



CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 318/2013/QĐ-UBND ngày 18/7/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 17/2017/QĐ - UBND ngày 9/6/2017 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định về quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 318/2013/QĐ-UBND ngày 18/7/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang;

Xét đề nghị của UBND huyện Việt Yên tại Tờ trình số 123/TTr-UBND ngày 23/10/2017, Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 349/BC-SXD ngày 17/11/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Việt Yên đến năm 2035 (tỷ lệ 1/10.000), với các nội dung như sau:

1. Phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch

a) Quy mô, ranh giới: Được xác định trên toàn bộ địa giới hành chính của huyện Việt Yên, với diện tích tự nhiên 16.622,3 ha gồm 18 đơn vị hành chính (trừ ranh giới xã Tăng Tiến), được giới hạn như sau:

- Phía Bắc: Giáp huyện Tân Yên;
- Phía Nam và Tây Nam: Giáp thành phố Bắc Ninh, huyện Quế Võ và huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh;
- Phía Đông: Giáp huyện Yên Dũng và thành phố Bắc Giang;
- Phía Tây: Giáp huyện Hiệp Hòa.

b) Quy mô dân số:

- Quy mô dân số đến năm 2025: khoảng 180.524 người;

- Quy mô dân số đến năm 2035: khoảng 186.000 người.

2. Tính chất

a) Là Đô thị cửa ngõ phía Tây Nam của tỉnh Bắc Giang với các ngành kinh tế chủ đạo là: Công nghiệp, dịch vụ, thương mại tổng hợp, đào tạo, sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản, du lịch nghỉ dưỡng kết hợp văn hóa tâm linh;

b) Là đầu mối giao thông đường bộ của vùng, Quốc gia; có vai trò quan trọng về An ninh, Quốc phòng.

3. Mục tiêu quy hoạch

a) Cụ thể hoá những định hướng phát triển của Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang, Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Việt Yên và các quy hoạch chuyên ngành, nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý và phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, du lịch trên địa bàn huyện; tiến tới nâng loại đô thị Việt Yên đạt tiêu chí đô thị loại IV, tạo tiền đề thành lập thị xã Việt Yên.

b) Phát huy tiềm năng và lợi thế của toàn huyện, phát triển tốt những ngành kinh tế có tiềm năng trong mối tương quan bền vững tổng thể và hài hòa của toàn nền kinh tế, môi trường và xã hội; đảm bảo an ninh quốc phòng và định hướng phát triển lâu dài và bền vững.

c) Làm cơ sở pháp lý để lập Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết, quản lý xây dựng và phát triển đô thị theo quy hoạch. Tạo điều kiện thuận lợi cho các chương trình phát triển, các dự án đầu tư, sử dụng hợp lý các nguồn lực đảm bảo phát triển bền vững.

4. Một số chỉ tiêu cơ bản về sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật

Áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn theo tiêu chí đô thị loại IV.

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu quy hoạch đến 2035
I	Dân số		
1	Dân số toàn đô thị	người	185.458
2	Dân số nội thị	người	80.000
3	Mật độ cư trú bruttô	người/km ² đất xây dựng đô thị khu vực nội thị	7.000 -9.000
II	Chỉ tiêu sử dụng đất		
1	Đất xây dựng các khu đô thị - đất dân dụng	ha	1.000
2	Đất xây dựng đô thị	m ² /người	120 - 130

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu quy hoạch đến 2035
3	Cây xanh, mặt nước công cộng	m ² /người	≥5
4	Đất công nghiệp	ha	2.000
IV	Hạ tầng kỹ thuật đô thị		
1	Tỷ lệ đất giao thông – tính đến đường chính khu vực	% đất xây dựng đô thị	≥13
2	Cấp nước sinh hoạt: - Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt - Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch	l/ng-ngđ % dân số	120 90
3	Cấp nước công cộng và dịch vụ	m ³ /ha	6 - 15
4	Cấp nước công nghiệp, kho tàng	m ³ /ha	15 - 25
5	Thoát nước sinh hoạt	% tiêu chuẩn cấp nước	≥80
6	Thoát nước công cộng và dịch vụ	m ³ /ha	6 - 15
7	Thoát nước công nghiệp, kho tàng	m ³ /ha	15 - 25
8	Rác thải: - Chỉ tiêu thu gom rác thải sinh hoạt - Tỷ lệ thu gom	kg/ng-ngđ %	1,0 90
9	Cấp điện sinh hoạt	W/người	500
10	Cấp điện cơ quan hành chính, dịch vụ công cộng	kW/ha	50 -150
11	Cấp điện công nghiệp	Kw/ha	150-300

5. Các yêu cầu về nội dung nghiên cứu

a) Phân tích, đánh giá về vị trí, địa hình, khí hậu, thủy văn, tài nguyên khoáng sản... và ảnh hưởng tới sự phát triển đô thị Việt Yên.

b) Đánh giá hiện trạng

- Dân số, lao động:

+ Quy mô dân số toàn huyện, dân số đô thị và dân số nông thôn; Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên toàn huyện, các khu vực đô thị và khu vực nông thôn; Xác định dân số trong tuổi lao động; Lao động làm việc trong các ngành kinh tế.

+ Cơ cấu kinh tế - xã hội.

- Đất đai: Xác định các loại đất, diện tích, chức năng sử dụng đất; Đánh giá tình hình sử dụng đất, các dự án phát triển đô thị;

- Hiện trạng kiến trúc: Xác định hiện trạng nhà ở; Các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp (xác định quy mô, loại hình sản xuất và số lượng lao động). Đánh giá vị trí, quy mô đất đai, chất lượng các công trình phục vụ công cộng, các cơ quan hành chính, các cơ sở dịch vụ du lịch, các khu di tích lịch sử văn hoá ...

- Hạ tầng kỹ thuật đô thị: Giao thông; San nền, thoát nước mưa; Cấp điện, chiếu sáng, thông tin liên lạc; Cấp nước; Thoát nước thải vệ sinh môi trường, nghĩa trang.

- Đánh giá tổng hợp: Phân tích các đặc điểm tự nhiên ảnh hưởng đến phát triển đô thị; Đánh giá và phân loại đất xây dựng; Đánh giá các đồ án quy hoạch chi tiết, quy hoạch chung trên toàn bộ địa bàn toàn huyện giai đoạn 2012-2017; Đánh giá việc đầu tư xây dựng theo các đồ án quy hoạch chung của các thị trấn trong huyện, xác định những tồn tại trong công tác thực hiện phát triển đô thị.

- Những vấn đề cần giải quyết trong quy hoạch: Xác định các tính chất mới cho đô thị; Xác định quy mô đất đai, dân số các tiền đề phát triển đô thị; Đề xuất các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu phát triển đô thị; Xác định, đánh giá các khu chức năng chính của đô thị Việt Yên.

c) Các tiền đề phát triển đô thị

- Xác định vai trò, vị trí của huyện Việt Yên trong các mối quan hệ liên vùng (Vùng trung du miền núi phía Bắc; vùng thủ đô Hà nội; vùng tỉnh Bắc Giang) về giao thông, hạ tầng kỹ thuật, điều kiện phát triển kinh tế, văn hoá xã hội,..

- Cơ sở Kinh tế- Kỹ thuật:

+ Xác định các nguồn lực, tiềm năng phát triển về: Công nghiệp, thương mại dịch vụ, cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật;

+ Xác định hướng phát triển kinh tế của huyện Việt Yên: Đánh giá các tiềm năng phát triển công nghiệp, thương mại- dịch vụ, nông nghiệp chất lượng cao; Khai thác phát triển dịch vụ du lịch tổng hợp...

- Tiềm năng khai thác quỹ đất xây dựng đô thị: Xác định các quỹ đất thuận lợi, ít thuận lợi để phát triển xây dựng đô thị; Xác định các yếu tố vị trí địa lý, văn hoá, lịch sử, địa hình tự nhiên như sông, hồ để tạo nên nét đặc trưng riêng của đô thị Việt Yên; Khoanh vùng các khu vực hạn chế, cấm xây dựng.

d) Định hướng phát triển đô thị đến năm 2035

- Cơ cấu phát triển đô thị:

+ Đề xuất các cấu trúc hoặc hình thái không gian chính của đô thị, hướng phát triển trong tương lai (mang tính vùng, các khu trung tâm, các khu dịch vụ, các đơn vị ở, các khu công viên cây xanh, các khu công nghiệp, du lịch, tiểu thủ công nghiệp, kho tàng, bến bãi, các khu cơ quan hành chính, văn phòng,... và các khu chức năng khác). Phân tích các ưu nhược điểm của các phương án và luận chứng chọn phương án khả thi.

+ Nghiên cứu, đề xuất các phân vùng không gian gắn kết với các trục giao thông chính, nhằm phát huy lợi thế.

+ Đề xuất phạm vi ranh giới khu vực nội thị và ngoại thị; Xác định các xã sẽ nâng lên thành phường; Làm rõ các trục phát triển, các trung tâm động lực

phát huy vai trò lan tỏa sự phát triển tới tổng thể không gian đô thị.

- Tổ chức các khu chức năng trong đô thị:

+ Khu trung tâm hành chính, thương mại dịch vụ, văn hóa - thể thao, vui chơi giải trí, du lịch nghỉ dưỡng, văn hóa, tín ngưỡng, tâm linh,... phục vụ cho Đô thị Việt Yên và vùng phụ cận; Trường PTTH và các cơ sở giáo dục đào tạo chuyên nghiệp, dạy nghề cấp đô thị; Các khu dân cư phát triển mới, các khu dân cư hiện trạng cải tạo; Bệnh viện, trung tâm y tế; Trung tâm thương mại; chợ đầu mối phân phối và thu mua hàng hóa, sản phẩm; trung tâm dịch vụ tài chính ngân hàng, bảo hiểm, văn phòng đại diện; Khu, cụm công nghiệp và khu kho vận; Các khu cây xanh công viên công cộng; Hệ thống hạ tầng kỹ thuật và các công trình đầu môi; Đất dự trữ phát triển đô thị.

+ Xác định phạm vi, quy mô các khu chức năng đô thị: Các khu hiện có hạn chế phát triển; các khu cần chỉnh trang, cải tạo; các khu cần bảo tồn, tôn tạo, các khu chuyển đổi chức năng; khu phát triển mới; khu cấm xây dựng, các khu dự trữ phát triển; các khu dự kiến xây dựng công trình ngầm, ...

+ Xác định các chỉ tiêu về mật độ dân cư, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, định hướng và nguyên tắc phát triển đối với từng khu chức năng; Xác định các chỉ tiêu về diện tích, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao trong các khu chức năng.

+ Việc định hướng đối với các khu chức năng cần chú ý đến một số yêu cầu sau:

* Đối với khu vực các thị trấn hiện có: Rà soát và kiểm tra kỹ lưỡng sự liên hệ gắn kết, đặc biệt là hệ thống giao thông và hạ tầng kỹ thuật đô thị và tính hợp lý của nhóm chức năng dịch vụ tiện ích đô thị. Trên cơ sở đó đề xuất điều chỉnh những điểm bất hợp lý và khó thực hiện;

* Đối với khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Nghiên cứu, rà soát quy hoạch sử dụng đất; Đề xuất quy hoạch sử dụng đất và không gian; Kiểm soát chặt chẽ các hoạt động sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại dịch vụ;

* Đối với khu vực phát triển du lịch: Nghiên cứu về du lịch và hệ sinh thái để có giải pháp quy hoạch phù hợp. Nghiên cứu quy hoạch các khu du lịch gắn kết với các khu dân cư lân cận, khai thác yếu tố truyền thống tạo thành không gian du lịch giàu bản sắc địa phương;

* Đối với khu vực sản xuất nông nghiệp: Nghiên cứu, khoanh vùng sản xuất đưa ra giải pháp quy hoạch các khu trung tâm nông thôn có vai trò hỗ trợ sản xuất nhằm nâng cao giá trị hàng hóa, bảo vệ quỹ đất.

- Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội: Đề xuất quy mô và các giải pháp phân bố hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội theo các cấp, đảm bảo phát triển bền vững, gồm: Mạng lưới khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu vực làng nghề, dịch vụ vận tải, trung tâm dịch vụ - thương mại; hệ thống khu, cụm, điểm du lịch; các khu trung tâm hành chính tập trung; mạng

lưới trung tâm y tế; giáo dục - đào tạo; văn hóa, thể dục thể thao; nhà ở và phân bố dân cư; không gian xanh và các trung tâm chuyên ngành khác.

- Định hướng phát triển các khu vực dân cư nông thôn: Quy hoạch xây dựng nông thôn mới phát triển bền vững, đảm bảo cân đối giữa nhu cầu phát triển các không gian chức năng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội đô thị với việc duy trì bảo vệ hệ sinh thái nông thôn, phù hợp với quá trình đô thị hóa, đáp ứng được nhu cầu chuyển đổi cơ cấu ngành nghề, đảm bảo hoạt động sản xuất phát triển hài hòa trong tổng thể chung.

- Thiết kế đô thị: Xác định vùng kiến trúc, cảnh quan trong đô thị; Tổ chức không gian các khu trung tâm, cửa ngõ đô thị, các trục không gian chính, quảng trường lớn, điểm nhấn đô thị; không gian cây xanh, mặt nước.

- Định hướng hạ tầng kỹ thuật:

+ Giao thông:

* Định hướng xây dựng hệ thống giao thông đồng bộ và hiện đại, đa dạng, phù hợp với tính chất chức năng và quy mô của đô thị loại IV;

* Phân loại, phân cấp và tổ chức mạng lưới giao thông đối ngoại. Mở rộng và nâng cấp các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, nâng cấp mạng lưới giao thông đô thị, thống nhất định hướng phát triển hạ tầng giao thông vùng tỉnh, quốc gia, đặc biệt là mối quan hệ trong khu vực Vùng thủ đô; khai thác hiệu quả lợi thế tiếp cận giao thông đối ngoại kết hợp phát triển mạng lưới giao thông đường thủy đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa, du lịch ...

* Xác định vị trí quy mô, số lượng các công trình giao thông; xác định chi giới đường đỏ các tuyến đường cấp đô thị và hệ thống hào, tuy nèn kỹ thuật; hoạch định quy mô, phân kỳ đầu tư các tuyến giao thông chính;

* Phát triển giao thông công cộng đô thị theo hướng tiên tiến và hiệu quả, hỗ trợ phát triển du lịch, dịch vụ địa phương, kết nối thuận lợi với hệ thống giao thông công cộng vùng tỉnh...; khuyến khích phát triển giao thông thân thiện môi trường (đi bộ, xe đạp, xe điện...).

+ Cao độ nền và thoát nước mặt:

* Phân tích đánh giá sự phù hợp của hiện trạng nền xây dựng, thoát nước mặt, xác định các lưu vực thoát nước chính; đánh giá chất lượng, quy mô hệ thống thoát nước và các công trình thủy lợi trên địa bàn; tình hình úng ngập trên địa bàn, khoanh định các vùng ngập úng hàng năm.

* Nhận định, đánh giá các vấn đề ảnh hưởng của thiên tai, các ảnh hưởng tiêu cực của biến đổi khí hậu đối với khu vực quy hoạch;

* Đánh giá tổng hợp và lựa chọn đất xây dựng; xác định và thể hiện rõ những khu vực cấm xây dựng, hạn chế xây dựng;

* Rà soát, đánh giá các dự án, đề án quy hoạch chuyên ngành, khớp nối, thống nhất phương án đề xuất các dự án, quy hoạch liên quan; đánh giá việc triển

khai và thực hiện theo quy hoạch trong công tác chuẩn bị kỹ thuật trên địa bàn trong thời gian qua;

* Xác định cao độ không chế xây dựng cho từng khu vực và các trục giao thông chính; giải pháp san nền cho từng khu vực; xác định sơ bộ khối lượng san nền;

* Phương án thoát nước mưa, nghiên cứu đề xuất giải pháp thoát nước hướng tới tiêu chí “xanh”, bền vững; xác định lưu vực, trục thoát nước chính, hướng thoát nước chính, kích thước cống chính, vị trí miệng xả;

* Giải pháp phòng chống, khắc phục các tác động của thiên tai; giải pháp giảm nhẹ và hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của biến đổi khí hậu toàn cầu.

- Cấp nước:

+ Xác định chỉ tiêu cấp nước và dự báo tổng hợp nhu cầu dùng nước toàn đô thị (chỉ tiêu và nhu cầu cấp nước cho sinh hoạt, công cộng, sản xuất, dịch vụ...).

+ Xác định cát lượng, trữ lượng nguồn nước; lựa chọn nguồn nước đảm bảo các yêu cầu của đô thị;

+ Đề xuất các giải pháp cấp nước phù hợp với các giai đoạn phát triển;

+ Xác định quy mô công suất các công trình đầu mối cần cải tạo nâng cấp và các công trình xây dựng mới; đề xuất sơ bộ dây chuyền công nghệ xử lý nước;

+ Thiết kế quy hoạch mạng lưới đường ống cấp nước toàn đô thị; giải pháp cấp nước chữa cháy cho đô thị.

- Cấp điện:

+ Dự báo nhu cầu sử dụng điện theo các phụ tải, theo các giai đoạn phát triển của đô thị, phân vùng phụ tải;

+ Lựa chọn nguồn điện phù hợp, đáp ứng với nhu cầu phụ tải;

+ Thiết kế xây dựng mạng lưới cấp điện; xây dựng mạng lưới phân phối theo hướng hiện đại, đảm bảo mỹ quan đô thị, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội;

+ Xác định các chỉ tiêu và nhu cầu sử dụng điện chiếu sáng theo các nhóm công trình; Các giải pháp cụ thể về nguồn cấp, lưới điện, cũng như các giải pháp cụ thể về chiếu sáng cho các khu chức năng của đô thị.

- Thông tin liên lạc:

+ Dự báo các loại hình dịch vụ mạng thông tin cho toàn đô thị; Xác định chỉ tiêu và yêu cầu về thông tin liên lạc theo hướng hiện đại rộng khắp trên toàn đô thị;

+ Định hướng xây dựng, phát triển hệ thống thông tin liên lạc phù hợp nhu cầu phát triển của đô thị đến năm 2035.

- Thoát nước thải, VSMT:
 - + Xác định các chỉ tiêu về thu gom xử lý nước thải;
 - + Quy hoạch hệ thống thoát nước thải phù hợp với quy mô đô thị, yêu cầu vệ sinh, điều kiện tự nhiên (địa hình, khí hậu, thủy văn...) và hiện trạng hệ thống thoát nước.
 - + Xác định vị trí và quy mô các trạm bơm, trạm xử lý nước thải; đề xuất công nghệ xử lý nước thải;
 - + Xác định nguồn tiếp nhận nước thải, phân lưu vực thoát nước;
 - + Xác định các chỉ tiêu chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp;
 - + Dự báo chi tiết nguồn và tổng lượng phát thải các loại chất thải rắn thông thường và nguy hại;
 - + Xác định vị trí, quy mô các trạm trung chuyển, phạm vi thu gom, vận chuyển chất thải rắn trong đô thị;
 - + Xác định vị trí, quy mô các cơ sở xử lý chất thải rắn trên cơ sở đề xuất công nghệ xử lý thích hợp;
 - + Xác định nhu cầu đất nghĩa trang theo các giai đoạn phát triển;
 - + Xác định vị trí, quy mô các khu nghĩa trang, nhà tang lễ và công nghệ táng.
- Khái toán kinh phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật: Tính toán khái toán kinh phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật và phân kỳ đầu tư theo giai đoạn lập quy hoạch.
- Quy hoạch xây dựng đợt đầu đến năm 2025: Quy hoạch sử dụng đất đai xây dựng, xác định vị trí xây dựng các công trình trọng điểm; xác định các dự án đang triển khai, đề xuất các dự án cần ưu tiên đầu tư, đề xuất nguồn vốn, phương pháp quản lý theo quy hoạch các dự án ưu tiên đầu tư. Khái toán kinh phí đầu tư xây dựng.

6. Xác định các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện: Đề xuất lộ trình, danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện.

7. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch:

a) Xác định các chỉ tiêu về diện tích, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất; chiều cao tối đa, tối thiểu của công trình trong từng khu chức năng đô thị; định hướng kiểm soát không gian, kiến trúc các khu vực trong đô thị;

b) Chỉ giới đường đỏ của các tuyến phố chính, cốt xây dựng khống chế của đô thị; khu vực cấm xây dựng; phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn công trình hạ tầng kỹ thuật; biện pháp bảo vệ môi trường; khu vực bảo tồn các công trình kiến trúc, di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh, địa hình cảnh quan đô thị.

8. Hồ sơ sản phẩm: Thành phần hồ sơ đồ án theo quy định tại Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng; Thông tư số

06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị; Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và các quy định có liên quan.

9. Tổ chức thực hiện, kế hoạch thực hiện:

a) Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh Bắc Giang.
- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng Bắc Giang
- Cơ quan chủ đầu tư: UBND huyện Việt Yên

b) Kế hoạch thực hiện: Thời gian hoàn thành hồ sơ tối đa 9 tháng kể từ ngày có Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.

c) Kinh phí, nguồn vốn:

- Tổng kinh phí (tạm tính): 5.399.692.000 đồng.

(Năm tỷ ba trăm chín mươi chín triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn đồng).

- Nguồn vốn: Vốn ngân sách nhà nước.

10. Các nội dung khác: Theo nhiệm vụ quy hoạch được thẩm định.

Điều 2. UBND huyện Việt Yên có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương, Sở Giao thông vận tải, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Việt Yên và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Phòng QHKT-Sở Xây dựng (Lưu Hồ sơ);
- VP UBND tỉnh:
 - + LDVP, TH, TNMT;
 - + Lưu: VT, XD.Linh.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lại Thanh Sơn

